TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2025
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Mây

2. Bà Phan Thị Ngọc Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Như Mai Trang- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mã Thị Kim D, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Ông Cao Văn M, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mã Thị Kim D trình bày:

Bà D tự nguyện chung sống với ông Cao Văn M và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L vào năm 2018. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 6/2023 đến nay. Nay nhận thấy không thể hàn gắn và tiếp tục sống chung được nữa nên bà D xin ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà D và ông M có 02 con chung tên Cao Thị Trâm A, sinh ngày 29/12/2014 và Cao Thị Anh T, sinh ngày 14/7/2019, con hiện đang sống chung với ông M từ đầu năm 2024 đến nay. Khi ly hôn, bà D đồng ý để con cho ông M tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Bà D có đơn xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đối với bị đơn ông Cao Văn M vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt làm việc. Căn cứ biên bản xác minh ngày 17/10/2024 của Công an xã L xác định ông Cao Văn M có đăng ký hộ khẩu tại ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước và hiện ông M có ở địa phương.

Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho ông M theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ gì và không có mặt theo các thông báo, quyết định của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành pháp luật. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Mã Thị Kim D và ông Cao Văn M

+ Về con chung: Giao con tên Cao Thị Trâm A, sinh ngày 29/12/2014 và Cao Thị Anh T, sinh ngày 14/7/2019 cho ông M nuôi dưỡng.

+ Các đương sự không có yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung đương sự khai không có nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bà Mã Thị Kim D có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với ông Cao Văn M nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét ông M cư trú tại xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà D vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mắt, ông M vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông M tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 03/2018 ngày 15/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện L nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông M là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà D Hội đồng xét xử xét thấy: Theo đơn khởi kiện và lời khai của bà D trong quá trình giải quyết vụ án thì giữa bà và ông M đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ

chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 6/2023 đến nay. Đối với ông M, tại phiên Tòa ông vắng mặt, trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông M không đến làm việc cũng như tham gia hòa giải để đưa ra ý kiến và biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Qua xác minh tại địa phương xác định ông M và bà D hiện không còn sống chung. Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông M đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D

[4] Về con chung: Bà D và ông M có có 02 con chung tên Cao Thị Trâm A, sinh ngày 29/12/2014 và Cao Thị Anh T, sinh ngày 14/7/2019. Khi ly hôn bà D có nguyện vọng để hai con cho ông M nuôi dưỡng. Xét trong quá trình giải quyết vụ án ông M không đến làm việc cũng không có văn bản ý kiến về việc nuôi con chung. Cháu Trâm A đã đủ 7 tuổi trở lên nên thuộc trường hợp phải lấy ý kiến của cháu theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà D không đưa được cháu đến Tòa án để làm việc và khi Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương đến nơi cư trú của ông M để lấy ý kiến của cháu theo quy định thì cả cháu và ông M đều không có mặt tại nhà vào thời điểm trên. Tuy nhiên theo lời khai của bà D và qua xác minh tại địa phương thì cả 02 con hiện đang sống chung với ông M và được ông M chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Do đó, xét yêu cầu của bà D về việc để 02 con cho ông M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cuộc sống ổn định và điều kiện về mọi mặt của con theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ. Ông M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mã Thị Kim D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Mã Thị Kim D và ông Cao Văn M

2. Về con chung: Giao con tên Cao Thị Trâm A, sinh ngày 29/12/2014 và Cao Thị Anh T, sinh ngày 14/7/2019 cho ông M nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Buộc bà D chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006622 ngày 10/10/2024. Ông M không phải chịu án phí DSST.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã L;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Khánh Duyên